

Số: 65/2021/BHHC-TCHC

V/v: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm
tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

Lào Cai, ngày 16 tháng 03 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀ**
Địa chỉ: Thôn Lùng Xa, xã Cốc Ly, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.
Điện thoại: 0214 6294668
Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Thành Hưng
Địa chỉ: Thôn Lùng Xa, xã Cốc Ly, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.
Điện thoại: 0989000303

Loại công bố thông tin:

<input type="checkbox"/>	24 giờ
<input type="checkbox"/>	72 giờ
<input type="checkbox"/>	Bất thường
<input type="checkbox"/>	Theo yêu cầu
<input checked="" type="checkbox"/>	Định kỳ

Nội dung công bố thông tin:

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.
Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần thủy điện
Bắc Hà ngày 16/03/2021 tại đường dẫn: <http://www.thuydienbachalaocai.com.vn>.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách
nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng !

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- VP HĐQT;
- Lưu TCHC.

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thành Hưng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(đã được kiểm toán)



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀ

Thôn Lùng Xa, Xã Cốc Ly, Huyện Bắc Hà, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-28
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-28

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀ

Thôn Lùng Xa, Xã Cốc Ly, Huyện Bắc Hà, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5300240587 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp lần đầu ngày 18 tháng 02 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 20 tháng 08 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Thôn Lùng Xa, Xã Cốc Ly, Huyện Bắc Hà, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đồng Quốc Cường	Chủ tịch
Ông Phan Thanh Hải	Ủy viên
Ông Nguyễn Cảnh Sơn	Ủy viên
Ông Nguyễn Danh Quân	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Thập	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Lâm	Ủy viên
Ông Nguyễn Thành Hưng	Ủy viên <i>Bỏ nhiệm ngày 28 tháng 05 năm 2020</i>

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Thành Hưng	Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Thái	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lương Quốc Hưng	Phó Tổng Giám đốc <i>Miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2020</i>

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Phạm Ngọc Tân	Trưởng ban
Ông Nguyễn Anh Dũng	Thành viên
Ông Đỗ Văn Chính	Thành viên <i>Bỏ nhiệm ngày 28 tháng 05 năm 2020</i>
Ông Vũ Hà Nam	Thành viên <i>Miễn nhiệm ngày 28 tháng 05 năm 2020</i>

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀ

Thôn Lùng Xa, Xã Cốc Ly, Huyện Bắc Hà, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

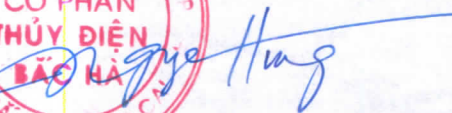
Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính Phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc




Nguyễn Thành Hưng
Tổng Giám đốc

Lào Cai, ngày 15 tháng 01 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà được lập ngày 15 tháng 01 năm 2021, từ trang 06 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Trong năm, Công ty đã ghi nhận khoản lãi chậm trả Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Licogi số 18 giai đoạn trước năm 2019 với số tiền là 22,73 tỷ VND vào chỉ tiêu "Chi phí trả trước dài hạn" trên Báo cáo tài chính năm 2019 mà không thực hiện điều chỉnh hồi tố. Điều này làm cho trên Bảng cân đối kế toán chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" (tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 và 31 tháng 12 năm 2020) và chỉ tiêu "Chi phí trả trước dài hạn" tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 đang ghi nhận cao hơn số tiền 22,73 tỷ VND. Đồng thời, chỉ tiêu "Phải trả ngắn hạn khác" và chỉ tiêu "Phải trả dài hạn khác" tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 đang phản ánh thấp hơn số tiền lần lượt là 7,5 tỷ VND và 15,23 tỷ VND.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 147,91 tỷ VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 là 153,84 tỷ VND), nợ quá hạn chưa thanh toán tại 31/12/2020 là 17,75 tỷ VND. Các dấu hiệu này cùng với các vấn đề được nêu ở Thuyết minh số 1 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 vẫn được trình bày trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán ngoại trừ nêu trên của chúng tôi.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty TNHH Deloitte Việt Nam. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ về việc Công ty chưa hạch toán khoản lãi chậm trả có thể phát sinh do chậm thanh toán khoản phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Licogi số 18.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



[Handwritten signature in blue ink]

[Handwritten signature in blue ink]

Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Nguyễn Tuấn Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-2018-002-1

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		35.886.432.104	31.877.891.625
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	9.866.985.511	1.202.905.924
111	1. Tiền		9.866.985.511	1.202.905.924
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	7.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	7.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		25.559.807.571	21.609.954.881
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	15.198.499.695	10.856.435.972
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	5.831.982.437	5.459.152.437
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	4.529.325.439	5.294.366.472
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		459.639.022	2.065.030.820
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	459.639.022	2.065.030.820
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.804.964.359.601	1.880.132.382.080
220	II. Tài sản cố định		1.782.197.079.876	1.879.161.542.316
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	1.782.197.079.876	1.879.161.542.316
222	- Nguyên giá		2.602.682.512.785	2.599.627.955.465
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(820.485.432.909)	(720.466.413.149)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		22.767.279.725	970.839.764
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	22.767.279.725	970.839.764
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.840.850.791.705	1.912.010.273.705

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

(tiếp theo)

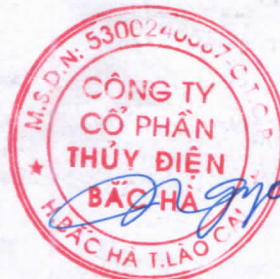
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.162.400.868.549	1.293.593.673.518
310	I. Nợ ngắn hạn		183.799.421.170	185.715.498.866
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	8	13.559.797.115	14.898.669.756
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	12.989.465.254	14.469.483.441
314	3. Phải trả người lao động		797.646.133	990.972.462
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	10	19.067.693.090	19.902.747.699
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	12	16.814.181.566	1.400.327.829
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	120.370.638.012	133.853.297.679
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		200.000.000	200.000.000
330	II. Nợ dài hạn		978.601.447.379	1.107.878.174.652
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	10	34.120.000.000	44.120.000.000
337	2. Phải trả dài hạn khác	12	7.727.272.727	-
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	13	936.754.174.652	1.063.758.174.652
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		678.449.923.156	618.416.600.187
410	I. Vốn chủ sở hữu	14	678.449.923.156	618.416.600.187
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		660.000.000.000	660.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		660.000.000.000	660.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		200.000.000	200.000.000
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		18.249.923.156	(41.783.399.813)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(41.783.399.813)	42.912.761
421b	LNST chưa phân phối năm nay		60.033.322.969	(41.826.312.574)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.840.850.791.705	1.912.010.273.705

H. Thuy

Hà Thị Thùy
Người lập

T. Hong Dieu

Tạ Hồng Diệu
Kế toán trưởng



N. Thanh Hung

Nguyễn Thành Hưng
Tổng Giám đốc

Lào Cai, ngày 15 tháng 01 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀThôn Lùng Xa, Xã Cốc Ly, Huyện Bắc Hà,
Tỉnh Lào Cai, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	296.171.269.275	207.556.006.761
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		296.171.269.275	207.556.006.761
11	4. Giá vốn hàng bán	17	114.789.377.699	114.999.384.303
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		181.381.891.576	92.556.622.458
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18	386.799.627	403.375.136
22	7. Chi phí tài chính	19	115.019.907.338	125.224.879.474
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		114.551.277.199	124.678.143.389
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	5.134.771.818	8.828.349.236
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		61.614.012.047	(41.093.231.116)
31	11. Thu nhập khác	21	417.974.844	58.524.232
32	12. Chi phí khác	22	986.234.568	14.314.496
40	13. Lợi nhuận khác		(568.259.724)	44.209.736
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		61.045.752.323	(41.049.021.380)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23	1.012.429.354	777.291.194
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>60.033.322.969</u>	<u>(41.826.312.574)</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24	910	(634)

Hà Thị Thùy
Người lập

Tạ Hồng Diệu
Kế toán trưởng

Nguyễn Thành Hưng
Tổng Giám đốc

Lào Cai, ngày 15 tháng 01 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		61.045.752.323	(41.049.021.380)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		100.019.019.760	99.989.662.224
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(386.799.627)	(386.624.700)
06	- Chi phí lãi vay		114.551.277.199	124.678.143.389
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		275.229.249.655	183.232.159.533
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(3.949.852.690)	11.709.112.826
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(2.578.095.708)	(3.038.232.745)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		2.536.224.564	(1.210.575.291)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(125.913.717.072)	(125.362.534.864)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(505.311.802)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		144.818.496.947	65.329.929.459
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(3.054.557.320)	(10.690.008.003)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(10.000.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		7.000.000.000	3.000.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		386.799.627	386.624.700
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		4.332.242.307	(17.303.383.303)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		49.752.308.851	29.994.481.511
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(190.238.968.518)	(116.604.000.000)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(9.900.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(140.486.659.667)	(96.509.518.489)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		8.664.079.587	(48.482.972.333)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		1.202.905.924	49.685.878.257
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	5309.866.985.511	1.202.905.924

Hà Thị Thùy
Người lập

Lào Cai, ngày 15 tháng 01 năm 2021

Tạ Hồng Diệu
Kế toán trưởngNguyễn Thành Hưng
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5300240587 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp lần đầu ngày 18 tháng 02 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 20 tháng 08 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Thôn Lũng Xa, Xã Cốc Ly, Huyện Bắc Hà, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 660.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 660.000.000.000 đồng; tương đương 66.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: sản xuất truyền tải điện và phân phối điện.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Sản lượng sản xuất và truyền tải điện năm nay đạt khoảng 326 triệu Kwh, tăng 48% so với sản lượng điện năm trước. (Năm 2019 sản lượng sản xuất và truyền tải điện đạt khoảng 220 triệu Kwh), kết hợp với việc tiết giảm chi phí sản xuất kinh doanh. Điều này dẫn tới kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm nay tăng đột biến so với năm trước.

Tại ngày 31/12/2020, Công ty có tổng nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn với giá trị là 147,91 tỷ VND (tại ngày 01/01/2020 là 153,84 tỷ VND), nợ quá hạn chưa thanh toán tại 31/12/2020 là 17,75 tỷ VND. Để đảm bảo khả năng hoạt động liên tục của Công ty, Ban Tổng Giám đốc đã thận trọng đánh giá và đưa ra kế hoạch trong vòng 12 tháng tới như sau:

- Tiếp tục thực hiện các biện pháp quản lý chặt chẽ, xây dựng hợp lý kế hoạch kinh doanh, phương án sử dụng nguồn lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và nguồn khấu hao tài sản cố định hàng năm để thanh toán các khoản nợ;
- Tiếp tục sử dụng các dòng tiền từ các khoản vay tín dụng chưa hết hạn mức vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển TP. Hồ Chí Minh - Chi nhánh Lào Cai; khai thác thêm các nguồn vốn vay tín dụng hỗ trợ từ các khách hàng Công ty cổ phần Tập đoàn SOVICO; Công ty Cổ phần Đại Phát và Công ty TNHH MTV Năng lượng Sovico Quảng Ngãi;
- Kế hoạch kinh doanh năm 2021 của Công ty dự kiến lãi khoảng 40 tỷ VND. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Công ty đang trong lộ trình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2021.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.5 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.6 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 45 năm
- Máy móc, thiết bị	12 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	12 - 20 năm

2.7 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.8 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.9 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.10 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.11 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.12 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.13 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán .

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.14 . Doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.15 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.16 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí lãi vay.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.17 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Chính sách ưu đãi thuế

Theo quy định của Thông tư 78/2014/TT-BTC, Công ty thành lập dự án đầu tư thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, được hưởng ưu đãi thuế TNDN 10% trong 15 năm: từ năm 2012 đến hết năm 2026; được miễn thuế TNDN phải nộp trong 04 năm từ năm 2012 đến hết năm 2015; được giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 09 năm từ năm 2016 đến năm 2024.

c) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

2.18 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.19 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên trực tiếp hoặc gián tiếp phân quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.20 . Thông tin bộ phận

Toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là sản xuất truyền tải điện và phân phối điện diễn ra toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀThôn Lùng Xa, Xã Cốc Ly, Huyện Bắc Hà,
Tỉnh Lào Cai, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	36.479.627	73.068.695
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.830.505.884	1.129.837.229
	9.866.985.511	1.202.905.924

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

Tại thời điểm cuối năm và đầu năm, số dư chi tiêu "Phải thu ngắn hạn của khách hàng" là công nợ phải thu Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Tổng Công ty Licogi - CTCP - Chi nhánh Licogi số 01	4.837.568.040	-	4.837.568.040	-
- Công ty TNHH Kỹ thuật Hệ thống Bách Khoa	288.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xây dựng GNG	250.000.000	-	250.000.000	-
- Các nhà cung cấp khác	456.414.397	-	371.584.397	-
	5.831.982.437	-	5.459.152.437	-
Trong đó: trả trước cho người bán là các bên liên quan	4.837.568.040	-	4.837.568.040	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 28)

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tạm ứng	1.888.148.670	-	1.192.937.613	-
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	2.614.027.995	-	4.074.280.085	-
Phải thu khác	27.148.774	-	27.148.774	-
	4.529.325.439	-	5.294.366.472	-

7 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	1.675.633.438.378	803.366.900.147	120.627.616.940	2.599.627.955.465
- Mua trong năm	-	3.054.557.320	-	3.054.557.320
Số dư cuối năm	1.675.633.438.378	806.421.457.467	120.627.616.940	2.602.682.512.785
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	258.684.488.274	393.342.307.768	68.439.617.107	720.466.413.149
- Khấu hao trong năm	37.919.578.045	51.661.841.749	10.437.599.966	100.019.019.760
Số dư cuối năm	296.604.066.319	445.004.149.517	78.877.217.073	820.485.432.909
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	1.416.948.950.104	410.024.592.379	52.187.999.833	1.879.161.542.316
Tại ngày cuối năm	1.379.029.372.059	361.417.307.950	41.750.399.867	1.782.197.079.876

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 1.782.197.079.876 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.489.343.043 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀ

Thôn Lùng Xa, Xã Cốc Ly, Huyện Bắc Hà, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

8 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Licogi số 18 ⁽ⁱ⁾	8.647.739.302	8.647.739.302	10.876.680.203	10.876.680.203
- Công ty Cổ phần Cosmos Toàn Cầu	1.008.013.052	1.008.013.052	-	-
- Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi 2	986.008.779	986.008.779	986.008.779	986.008.779
- Phải trả các đối tượng khác	2.918.035.982	2.918.035.982	3.035.980.774	3.035.980.774
	13.559.797.115	13.559.797.115	14.898.669.756	14.898.669.756
b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Licogi số 18 ⁽ⁱ⁾	8.647.739.302	8.647.739.302	10.876.680.203	10.876.680.203
- Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi 2	986.008.779	986.008.779	986.008.779	986.008.779
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	619.248.529	619.248.529	619.248.529	619.248.529
	10.252.996.610	10.252.996.610	12.481.937.511	12.481.937.511
c) Trong đó: phải trả người bán là các bên liên quan	1.605.257.308	1.605.257.308	1.605.257.308	1.605.257.308
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 28)</i>				

⁽ⁱ⁾ Như trình bày tại các thuyết minh số 09 và 12, khoản lãi chậm trả phát sinh liên quan đến việc chậm thanh toán công nợ trên đã được thống nhất giá trị là 22,73 tỷ VND theo Biên bản làm việc và Phụ lục hợp đồng ký bổ sung Hợp đồng tổng thầu xây lắp số 03/2020/TĐBH-HĐXL ngày 28/08/2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀThôn Lũng Xa, Xã Cốc Ly, Huyện Bắc Hà,
Tỉnh Lào Cai, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí dọn hạ lưu	-	1.590.964.900
Chi phí bảo hiểm	459.639.022	474.065.920
	459.639.022	2.065.030.820
b) Dài hạn		
Chi phí lãi chậm trả (*)	22.727.272.727	-
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	40.006.998	902.962.540
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	67.877.224
	22.767.279.725	970.839.764

(*) Như đã trình bày tại các thuyết minh số 08 và 12, đây là chi phí lãi chậm trả liên quan đến công nợ quá hạn thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Licogi số 18 theo Biên bản làm việc và Phụ lục hợp đồng ký bổ sung Hợp đồng tổng thầu xây lắp số 03/2020/TĐBH-HĐXL ngày 28/08/2020.

10 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Chi phí phải trả ngắn hạn		
- Chi phí lãi vay	8.107.693.090	9.470.132.963
- Chi phí lãi vay phải trả ân hạn (*)	10.000.000.000	10.000.000.000
- Chi phí sửa chữa hệ thống kích H1-2	960.000.000	-
- Chi phí quản lý tài khoản phải trả ngân hàng	-	432.614.736
	19.067.693.090	19.902.747.699
b) Chi phí phải trả dài hạn		
- Chi phí lãi vay phải trả ân hạn (*)	34.120.000.000	44.120.000.000
	34.120.000.000	44.120.000.000

(*) Khoản lãi vay ân hạn của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Thăng Long với số tiền 44.120.000.000 VND, trong đó 10.000.000.000 VND có thời hạn thanh toán vào tháng 12 năm 2021. Khoản lãi vay ân hạn này không bị tính lãi.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀ

Thôn Lùng Xa, Xã Cốc Ly, Huyện Bắc Hà, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm (Đã điều chỉnh)	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	2.977.727.136	31.886.438.117	25.368.162.126	-	9.496.003.127
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	777.291.194	1.012.429.354	505.311.802	-	1.284.408.746
Thuế Thu nhập cá nhân	-	61.192.662	145.314.647	157.088.564	-	49.418.745
Thuế Tài nguyên	-	1.931.176.774	32.040.800.155	31.831.082.027	-	2.140.894.902
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	8.722.095.675	12.160.535.549	20.863.891.490	-	18.739.734
	-	14.469.483.441	77.245.517.822	78.725.536.009	-	12.989.465.254

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2020	01/01/2020 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	179.536.124	86.051.340
- Bảo hiểm xã hội	103.009.377	77.593.997
- Bảo hiểm y tế	18.178.125	10.169.772
- Bảo hiểm thất nghiệp	8.079.166	5.558.432
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra tiền điện chưa kê khai ⁽ⁱ⁾	1.505.378.774	1.210.148.400
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Licogi số 18 ⁽ⁱⁱ⁾	15.000.000.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	10.805.888
	16.814.181.566	1.400.327.829

⁽ⁱ⁾ Số dư cuối năm là thuế giá trị gia tăng đầu ra của doanh thu bán điện chưa phát hành hóa đơn tháng 12 năm 2020 (Số dư đầu năm của tháng 12 năm 2019).

b) Dài hạn

- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Licogi số 18 ⁽ⁱⁱ⁾	7.727.272.727	-
	7.727.272.727	-

⁽ⁱⁱ⁾ Như đã trình bày tại các thuyết minh số 08 và 09, đây là khoản phải trả phát sinh do chậm thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Licogi số 18 theo Biên bản làm việc và Phụ lục hợp đồng ký bổ sung Hợp đồng tổng thầu xây lắp số 03/2020/TĐBH-HĐXL ngày 28/08/2020. Trong đó, số tiền lãi vay chậm trả đã quá hạn thanh toán tại 31/12/2020 là 7.500.000.000 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀ

Thôn Lùng Xa, Xã Cốc Ly, Huyện Bắc Hà, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

13 . VAY

	01/01/2020		Trong năm		31/12/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	15.481.554.424	15.481.554.424	49.752.308.851	62.867.225.263	2.366.638.012	2.366.638.012
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển TP. Hồ Chí Minh - Chi nhánh Lào Cai ⁽¹⁾	15.481.554.424	15.481.554.424	17.252.308.851	30.367.225.263	2.366.638.012	2.366.638.012
- Công ty cổ phần Tập đoàn SOVICO	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần Đại Phát	-	-	2.500.000.000	2.500.000.000	-	-
- Công ty TNHH MTV Năng lượng Sovico Quảng Ngãi	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	118.371.743.255	118.371.743.255	127.004.000.000	127.371.743.255	118.004.000.000	118.004.000.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long ⁽²⁾	86.367.743.255	86.367.743.255	95.000.000.000	95.367.743.255	86.000.000.000	86.000.000.000
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai ⁽³⁾	32.004.000.000	32.004.000.000	32.004.000.000	32.004.000.000	32.004.000.000	32.004.000.000
	133.853.297.679	133.853.297.679	176.756.308.851	190.238.968.518	120.370.638.012	120.370.638.012
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long ⁽²⁾	835.066.213.042	835.066.213.042	-	95.367.743.255	739.698.469.787	739.698.469.787
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai ⁽³⁾	347.063.704.865	347.063.704.865	-	32.004.000.000	315.059.704.865	315.059.704.865
	1.182.129.917.907	1.182.129.917.907	-	127.371.743.255	1.054.758.174.652	1.054.758.174.652
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(118.371.743.255)	(118.371.743.255)	(127.004.000.000)	(127.371.743.255)	(118.004.000.000)	(118.004.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	1.063.758.174.652	1.063.758.174.652			936.754.174.652	936.754.174.652

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀ

Thôn Lùng Xa, Xã Cốc Ly, Huyện Bắc Hà,
Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Hợp đồng tín dụng số 13538/19MB/HĐTD ngày 20 tháng 11 năm 2019, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 20.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: đến hết ngày 20/11/2020. Công ty đang làm thủ tục gia hạn thời gian hợp đồng, dự kiến ký bổ sung trong tháng 01 năm 2021;
 - + Lãi suất cho vay: quy định theo từng khế ước nhận nợ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 2.366.638.012 VND;
 - + Các khoản vay được đảm bảo bằng quyền đòi nợ hình thành trong tương lai phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện số 05/2012/HĐ-NMĐ-TĐ Bắc Hà ngày 19 tháng 05 năm 2012 và các phụ lục kèm theo.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (2) Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD-BH/2006 ngày 30 tháng 10 năm 2006, kèm Phụ lục hợp đồng tín dụng số 10/PLTD-BH/2017 ngày 12 tháng 12 năm 2017 về việc tăng hạn mức tín dụng, điều chỉnh kỳ hạn tính lãi, cơ cấu điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lãi và các Phụ lục hợp đồng khác, bao gồm các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 1.129.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: thanh toán chi phí dự án Thủy điện Bắc Hà;
 - + Thời hạn vay: 162 tháng kể từ khi giải ngân lần đầu năm 2007 và được cơ cấu lại thời hạn trả nợ đến năm 2027;
 - + Lãi suất cho vay: bằng tổng lãi suất huy động tiết kiệm bình quân và lãi suất biên là 3,6%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 739.698.469.787 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 86.000.000.000 VND.
- (3) Bao gồm các hợp đồng tín dụng sau:
- (a) Hợp đồng tín dụng số 05/2006/HĐTD ngày 27 tháng 12 năm 2006 giữa Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai và Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng; Hợp đồng sửa đổi số 01/2008/HĐSD ngày 09 tháng 07 năm 2008 giữa Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai, Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng và Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà; Hợp đồng sửa đổi số 02/2010/HĐSD ngày 23 tháng 11 năm 2010; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng đầu tư số 03/2012/HĐSD ngày 29 tháng 06 năm 2012; và các Hợp đồng sửa đổi bổ sung 04/2012/HĐSDBS ngày 03 tháng 07 năm 2012; số 05/2013/HĐSDBS ngày 06 tháng 03 năm 2013; số 06/2013/NĐTĐĐT-NHPT ngày 03 tháng 12 năm 2013:
- + Hạn mức tín dụng: 156.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: phục vụ di dân giải phóng mặt bằng, mua sắm thiết bị sản xuất trong nước gồm đập tràn, cửa nhận nước, đường ống áp lực, cần trục gian máy, cửa dẫn nước ra, tuốc bin máy phát (nếu có) theo đúng nội dung dự án đầu tư được phê duyệt;
 - + Thời hạn cho vay: 168 tháng kể từ khi giải ngân lần đầu năm 2007 và được cơ cấu lại thời hạn trả nợ đến năm 2027;
 - + Lãi suất cho vay: lãi suất nợ trong hạn là 7,8%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 82.853.969.500 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 15.000.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀThôn Lũng Xa, Xã Cốc Ly, Huyện Bắc Hà,
Tỉnh Lào Cai, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(b) Hợp đồng vay vốn số 02/2009 ngày 13 tháng 06 năm 2009 kèm theo Phụ lục Hợp đồng vay vốn số 04/2011/PLHĐTD ngày 13/03/2011; số 01/2011/HĐTD-ĐTBS-NHPT ngày 31/08/2011 và các Phụ lục khác, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 315.000.000.000 VND;
- + Mục đích vay: đầu tư các hạng mục dự án Công trình Nhà máy Thủy điện Bắc Hà;
- + Thời hạn vay: 120 tháng kể từ khi giải ngân lần đầu năm 2009 và được cơ cấu lại thời hạn trả nợ đến năm 2027;
- + Lãi suất cho vay: lãi suất trong hạn được áp dụng cho từng lần giải ngân, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 232.205.735.365 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 17.004.000.000 VND.

Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị tài sản hình thành từ Dự án xây dựng Nhà máy Thủy điện Bắc Hà để đảm bảo cho các khoản tiền vay dài hạn ngân hàng.

14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	660.000.000.000	-	10.342.912.761	670.342.912.761
Lỗ trong năm trước	-	-	(41.826.312.574)	(41.826.312.574)
Trích quỹ dự phòng tài chính	-	200.000.000	(200.000.000)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(200.000.000)	(200.000.000)
Chia cổ tức	-	-	(9.900.000.000)	(9.900.000.000)
Số dư cuối năm trước	<u>660.000.000.000</u>	<u>200.000.000</u>	<u>(41.783.399.813)</u>	<u>618.416.600.187</u>
Số dư đầu năm nay	660.000.000.000	200.000.000	(41.783.399.813)	618.416.600.187
Lãi trong năm nay	-	-	60.033.322.969	60.033.322.969
Số dư cuối năm	<u>660.000.000.000</u>	<u>200.000.000</u>	<u>18.249.923.156</u>	<u>678.449.923.156</u>

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty Cổ phần	44,11%	291.130.830.000	44,11%	291.130.830.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Bắc Hà	24,19%	159.666.000.000	24,19%	159.666.000.000
Các cổ đông khác	31,70%	209.203.170.000	31,70%	209.203.170.000
	<u>100%</u>	<u>660.000.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>660.000.000.000</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	660.000.000.000	660.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	660.000.000.000	660.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	<u>660.000.000.000</u>	<u>660.000.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀThôn Lùng Xa, Xã Cốc Ly, Huyện Bắc Hà,
Tỉnh Lào Cai, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

d)	Cổ phiếu		
		<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	66.000.000	66.000.000
	Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	66.000.000	66.000.000
	- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	66.000.000	66.000.000
	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	66.000.000	66.000.000
	- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	66.000.000	66.000.000
	Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000
e)	Các quỹ công ty		
		<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
		VND	VND
	Quỹ đầu tư phát triển	200.000.000	200.000.000
		<u>200.000.000</u>	<u>200.000.000</u>
15	. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG		
	<p>Công ty ký hợp đồng thuê đất số 314/HĐTĐ ngày 09 tháng 09 năm 2008 với Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai để sử dụng với mục đích xây dựng thủy điện Bắc Hà từ ngày 13 tháng 09 năm 2007 đến ngày 30 tháng 12 năm 2047. Diện tích khu đất thuê là 8.274.121 m² bao gồm các huyện: Bắc Hà, Mường Khương và Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.</p> <p>Căn cứ Quyết định số 1347/QĐ-CT ngày 26 tháng 06 năm 2014 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Lào Cai về việc miễn tiền thuê đất, Công ty được miễn tiền thuê đất trong 19 năm từ ngày 13 tháng 09 năm 2007 đến hết ngày 31 tháng 08 năm 2026 tương ứng với số tiền là 90.711.663.000 VND.</p>		
16	. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
		<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
		VND	VND
	Doanh thu điện phát lưới	296.171.269.275	207.556.006.761
		<u>296.171.269.275</u>	<u>207.556.006.761</u>
17	. GIÁ VỐN HÀNG BÁN		
		<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
		VND	VND
	Giá vốn phát điện	114.789.377.699	114.999.384.303
		<u>114.789.377.699</u>	<u>114.999.384.303</u>
18	. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
		<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
		VND	VND
	Lãi tiền gửi	386.799.627	403.375.136
		<u>386.799.627</u>	<u>403.375.136</u>
19	. CHI PHÍ TÀI CHÍNH		
		<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
		VND	VND
	Lãi tiền vay	114.551.277.199	124.678.143.389
	Chi phí tài chính khác	468.630.139	546.736.085
		<u>115.019.907.338</u>	<u>125.224.879.474</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀThôn Lùng Xa, Xã Cốc Ly, Huyện Bắc Hà,
Tỉnh Lào Cai, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

20 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nhân công	3.660.441.249	6.102.816.995
Chi phí khác bằng tiền	1.474.330.569	2.725.532.241
	5.134.771.818	8.828.349.236

21 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tiền bồi thường bảo hiểm	359.721.860	-
Thu nhập khác	58.252.984	58.524.232
	417.974.844	58.524.232

22 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Các khoản bị phạt	866.234.568	-
Chi phí khác	120.000.000	14.314.496
	986.234.568	14.314.496

23 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	61.045.752.323	(41.049.021.380)
Các khoản điều chỉnh tăng	237.541.641	14.314.496
- Chi phí không hợp lệ	237.541.641	14.314.496
Các khoản điều chỉnh giảm	(41.034.706.884)	-
- Chuyển lỗ các năm trước	(41.034.706.884)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	20.248.587.080	(41.034.706.884)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất ưu đãi 10%) (*)	2.024.858.708	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp miễn giảm (miễn giảm 50%) (*)	1.012.429.354	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành sau miễn giảm	1.012.429.354	-
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	777.291.194
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	777.291.194	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(505.311.802)	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	1.284.408.746	777.291.194

(*) Theo quy định của Thông tư 78/2014/TT-BTC, Công ty thành lập dự án đầu tư thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, được hưởng ưu đãi thuế TNDN 10% trong 15 năm: từ năm 2012 đến hết năm 2026; được giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 09 năm từ năm 2016 đến năm 2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀThôn Lùng Xa, Xã Cốc Ly, Huyện Bắc Hà,
Tỉnh Lào Cai, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

24 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	60.033.322.969	(41.826.312.574)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	60.033.322.969	(41.826.312.574)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	66.000.000	66.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	910	(634)

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

25 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nhân công	11.522.280.573	14.307.652.958
Chi phí khấu hao tài sản cố định	100.019.019.760	99.989.662.224
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.913.025.683	8.655.542.353
Chi phí khác bằng tiền	469.823.501	874.876.004
	119.924.149.517	123.827.733.539

26 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.866.985.511	-	1.202.905.924	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	19.727.825.134	-	16.150.802.444	-
Các khoản cho vay	-	-	7.000.000.000	-
	29.594.810.645	-	24.353.708.368	-
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			1.057.124.812.664	1.197.611.472.331
Phải trả người bán, phải trả khác			38.101.251.408	16.298.997.585
Chi phí phải trả			53.187.693.090	64.022.747.699
			1.148.413.757.162	1.277.933.217.615

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.866.985.511	-	-	9.866.985.511
Phải thu khách hàng, phải thu khác	19.727.825.134	-	-	19.727.825.134
	29.594.810.645	-	-	29.594.810.645
Tại ngày 01/01/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.202.905.924	-	-	1.202.905.924
Phải thu khách hàng, phải thu khác	16.150.802.444	-	-	16.150.802.444
Các khoản cho vay	7.000.000.000	-	-	7.000.000.000
	24.353.708.368	-	-	24.353.708.368

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀThôn Lùng Xa, Xã Cốc Ly, Huyện Bắc Hà,
Tỉnh Lào Cai, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2020				
Vay và nợ	120.370.638.012	505.010.000.000	431.744.174.652	1.057.124.812.664
Phải trả người bán, phải trả khác	30.373.978.681	7.727.272.727	-	38.101.251.408
Chi phí phải trả	19.067.693.090	34.120.000.000	-	53.187.693.090
	<u>169.812.309.783</u>	<u>546.857.272.727</u>	<u>431.744.174.652</u>	<u>1.148.413.757.162</u>
Tại ngày 01/01/2020				
Vay và nợ	133.853.297.679	536.016.000.000	527.742.174.652	1.197.611.472.331
Phải trả người bán, phải trả khác	16.298.997.585	-	-	16.298.997.585
Chi phí phải trả	19.902.747.699	44.120.000.000	-	64.022.747.699
	<u>170.055.042.963</u>	<u>580.136.000.000</u>	<u>527.742.174.652</u>	<u>1.277.933.217.615</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

27. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan

Tổng Công ty Licogi - CTCP - Chi nhánh Licogi số 01
 Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20
 Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi 2
 Ông Đồng Quốc Cường
 Ông Phan Thanh Hải
 Ông Nguyễn Cảnh Sơn
 Ông Nguyễn Danh Quân
 Ông Nguyễn Văn Thập
 Ông Nguyễn Ngọc Lâm
 Ông Nguyễn Thành Hưng

Ông Trần Văn Thái
 Ông Lương Quốc Hưng

Mối quan hệ

Cùng cổ đông lớn
 Cùng cổ đông lớn
 Cùng cổ đông lớn
 Chủ tịch Hội đồng quản trị
 Ủy viên Hội đồng quản trị
 Ủy viên Hội đồng quản trị
 Ủy viên Hội đồng quản trị
 Ủy viên Hội đồng quản trị
 Ủy viên Hội đồng quản trị
 Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm
 Tổng Giám đốc
 Phó Tổng Giám đốc
 Phó Tổng Giám đốc (đã miễn
 nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2020)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀThôn Lùng Xa, Xã Cốc Ly, Huyện Bắc Hà,
Tỉnh Lào Cai, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Công ty có các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	4.837.568.040	4.837.568.040
Tổng Công ty Licogi - CTCP - Chi nhánh Licogi số 01	4.837.568.040	4.837.568.040
Phải trả người bán ngắn hạn	1.605.257.308	1.605.257.308
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	619.248.529	619.248.529
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi 2	986.008.779	986.008.779

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Thu nhập của ông Đồng Quốc Cường	88.500.000	84.000.000
Thu nhập của ông Phan Thanh Hải	76.500.000	72.000.000
Thu nhập của ông Nguyễn Cảnh Sơn	64.500.000	60.000.000
Thu nhập của ông Nguyễn Danh Quân	64.500.000	60.000.000
Thu nhập của ông Nguyễn Văn Thập	64.500.000	366.460.691
Thu nhập của ông Nguyễn Ngọc Lâm	64.500.000	60.000.000
Thu nhập của ông Nguyễn Thành Hưng	507.581.329	125.228.673
Thu nhập của ông Trần Văn Thái	368.766.924	349.617.527
Thu nhập của ông Lương Quốc Hưng	27.377.000	353.897.641

29 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Deloitte Việt Nam kiểm toán.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố phân loại lại một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay. Theo đó một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính năm 2019 được điều chỉnh cụ thể như sau:

	Số liệu trên Báo cáo tài chính năm trước	Số liệu điều chỉnh lại	Chênh lệch	Ghi chú
Mã số	VND	VND	VND	
Bảng Cân đối kế toán				
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313 8.369.680.707	14.469.483.441	6.099.802.734	
Phải trả ngắn hạn khác	319 7.500.130.563	1.400.327.829	(6.099.802.734)	


Hà Thị Thùy
Người lập

Tạ Hồng Diệu
Kế toán trưởngNguyễn Thành Hưng
Tổng Giám đốc

Lào Cai, ngày 15 tháng 01 năm 2021